

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT
Ngày: 17/6/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chìu

Bà Đậu Thị Quy

- Thư ký Phiên tòa: Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia Phiên tòa: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT- DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐPT – DS ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị R, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện A, Phú Yên. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã T1, thị xã S, Phú Yên. Vắng mặt.

3.2 Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn K1, xã HXĐ, thị xã Đ, Phú Yên. Vắng mặt.

3.3 Ông Nguyễn Hùng P, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 19/02/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Võ Thị R và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn C trả nợ tiền mua xe mô tô số tiền 5.600.000đồng gốc và lãi suất 1,125%/tháng từ ngày mua xe (18/8/2010) đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2016 và bổ sung tại biên bản ngày 14/12/2021, bị đơn Võ Thị R trình bày: Ngày 18/8/2010, bà nhờ ông C dẫn đến tiệm mua bán xe của bà Thanh S hỏi mua 01 xe mô tô loại xe Suvina, có số khung 5MN6H002147, số máy 1P52FMH36L232147, BKS 78M1 – 6225, bao nhiêu tiền không nhớ, số tiền theo hợp đồng mua bán là 5.600.000đồng, thỏa thuận trả góp 465.000đồng/tháng, bà trả góp cho bà S khoảng 4 tháng thì hết nợ. Bà S là người nhận tiền của bà R, không phải ai khác; khi nhận tiền bà S có viết giấy nhận trên một tờ giấy lịch, bà R có nhắc bà S “hết nợ rồi, gạch sổ nhen cô”, bà S “ừ,ừ”, thời gian lâu rồi, qua nhiều đợt bão lụt nên bà đã thất lạc không còn giữ tờ giấy nhận tiền của bà S. Khi bà R trả đủ tiền thì bà S đưa giấy đăng ký xe bản chính, ông T (người làm của bà S) dẫn bà R đi làm đầy đủ các thủ tục sang tên xe và bà R sử dụng từ đó đến nay. Ông C là anh rể bà R, dẫn bà R đi coi xe, ông có ký vào bên bảo lãnh của hợp đồng mua bán nhưng toàn bộ việc trả nợ là do bà R trả, ông C không biết, không liên quan gì đến việc này. Do đó, bà R không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S buộc bà trả số nợ mua xe 5.600.000đồng gốc và lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2016 và bổ sung tại biên bản ngày 14/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn C trình bày: Vào năm 2010, bà R là em vợ ông có nhờ ông dẫn đi coi mua chiếc xe mô tô tại tiệm của bà Thanh S, mua chiếc xe loại xe Suvina, BKS 78M1 – 6225, số tiền mua xe bao nhiêu ông không biết, nhưng theo hợp đồng mua bán là 5.600.000đồng. Sau khi mua xe bà R là người đi trả tiền, được khoảng 4 tháng thì bà R trả hết nợ, ông T (là người làm của bà S) dẫn bà R đi làm thủ tục sang tên xe và sử dụng từ đó đến nay. Ông chỉ dẫn bà R đi coi xe, và có ký vào bên bảo lãnh của hợp đồng mua bán. Hiện tại, xe đã trả xong tiền, đã sang tên xe cho bà R, do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng. Ông có viết giấy bán, cho tặng xe mô tô biển số 78M1-6225 cho bà R vì ông là người làm công cho Thanh S, khi khách trả hết tiền thì doanh nghiệp yêu cầu ông viết giấy bán và tiến hành

sang tên xe cho khách, ông làm theo chỉ đạo của bà S, còn về tiền mua xe do doanh nghiệp nhận chứ ông không nhận. Hiện tại ông đã nghỉ làm tại doanh nghiệp Thanh S nên việc bà S kiện bà R trả nợ mua xe ông không liên quan và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2021/DSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 374, 424, 428, 431, 432, 438, 439, 461 Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2013.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt, ngày 17/6/2022, có mặt trước khi HĐXX khai mạc phiên tòa, khi phiên tòa khai mạc có đơn báo vắng mặt, bị đơn và người liên quan vắng mặt, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 23/5/2022, bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bà S có mặt để tham dự phiên tòa nhưng khi phiên tòa được khai mạc thì có đơn báo vắng, bị đơn Võ Thị R và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S thấy rằng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Võ Thị R trả nợ mua xe máy số tiền: 14.165.900đồng (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Trong đó: 5.600.000đồng gốc, lãi tính 1,125%/tháng từ ngày mua xe 18/8/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2021 là 11 năm 03 tháng 29 ngày x 5.600.000đồng x 1,125%/tháng= 8.565.900đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Bị đơn bà Võ Thị R cho rằng: có ký hợp đồng mua bán xe của bà S ngày 18/8/2010, ông C ký bảo lãnh nhưng trả được khoảng 4 tháng thì bà đã trả hết nợ, bà S là người nhận tiền của bà. Sau khi trả hết nợ bà S đưa giấy đăng ký xe bản chính, ông T là người làm của bà S, cũng là người đứng tên trên giấy đăng ký xe dẫn bà đi làm thủ tục sang tên xe, do đó bà không chấp nhận yêu cầu của bà S

Xét thấy: Tại Điều 2 Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 18/8/2010 thể hiện “...*Khi nào bên mua xe thanh toán hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, như vậy bà S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua*”, thỏa thuận này là phù hợp với lời khai của bà R, phù hợp với lời khai của ông T về việc ngày 23/12/2010 ông T có viết giấy bán cho tặng xe biển số 78M1-6225 cho bà R là có sự đồng ý của bà S, vì ông là người làm của doanh nghiệp Thanh S, bà S yêu cầu ông đứng tên trên giấy đăng ký xe bán trả góp cho khách, khi khách trả hết tiền mua xe thì ông viết giấy bán và tiến hành sang tên xe cho khách; việc nhận tiền mua xe do doanh nghiệp nhận chứ không phải ông. Đồng thời, tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/10/2016, chủ xe biển số 78M1-6225 là bà Võ Thị R. Tại Công văn số 2675/CATX-GTTT ngày 11/12/2020 của Công an thị xã Sông Cầu về việc cung cấp thông tin nguồn gốc phương tiện: Xe mô tô biển kiểm soát 78M1-6225, nhãn hiệu Suvina, đăng ký lần đầu ngày 19/8/2010 tại công an huyện Đông Hòa đứng tên chủ sở hữu là Lê Văn T đến ngày 23/12/2010 ông T bán xe cho bà R. Từ đó đến nay bà R chưa chuyển nhượng cho ai. Kèm theo công văn là bản sao Giấy bán cho tặng xe ngày 23/12/2010 giữa chủ xe là ông T bán cho bà R và Giấy khai đăng ký xe.

Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án dân sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa để xử lý hình sự đối với bà R, ông T, ông P của bà S không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án dân sự, không xem là yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bà Hồ Thị Thanh S không cung cấp được tài liệu gì mới, nên cần chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí : Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 374, 424, 428, 431, 432, 438, 439, 461 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2013.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 708.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/10341 ngày 04/3/2013 và 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005056 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, nên bà S còn phải nộp 508.000đồng (Năm trăm lẻ tám ngàn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND Tp T; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TP T;
- P.KTNV-THA;
- Lưu:HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

